

Số: 155/BC-UBND

Gia Lai, ngày 14 tháng 11 năm 2021

## BÁO CÁO

### Về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2021.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII – kỳ họp thứ Tư.

*Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;*

*Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;*

Thực hiện Thông báo số 24/TB-HĐND ngày 19/10/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về Thông báo Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về dự kiến nội dung, chương trình Kỳ họp thứ Tư, HĐND tỉnh khoá XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026; UBND tỉnh kính báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2021 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

#### **I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức THTK, CLP.**

Năm 2021, năm đầu của nhiệm kỳ, của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm; mặc dù chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nhưng được sự quan tâm của Trung ương và sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, sự giám sát của HĐND tỉnh, sự chỉ đạo quyết liệt, sát với tình hình thực tế của UBND tỉnh và cấp uỷ, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận tổ quốc và các hội, đoàn thể, tinh thần trách nhiệm cao của các lực lượng, nhất là các lực lượng chống dịch ở tuyến đầu, sự đồng lòng ủng hộ, nỗ lực vượt khó của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn nên đã cơ bản đã thực hiện tốt mục tiêu vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, vừa phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Do vậy trong 10 tháng, tăng trưởng kinh tế, các lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, kim ngạch xuất nhập khẩu, thu ngân sách, thu hút đầu tư,... tăng so với cùng kỳ; đầu tư công và giải ngân vốn đầu tư có nhiều cố gắng. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm và phát triển. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách cho người dân. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, dịch Covid-19 đã tác động mạnh và làm giảm doanh thu của ngành dịch vụ, du lịch, vận tải; dịch bệnh viêm da nổi cục trâu bò vẫn còn; xuất hiện dịch tả lợn châu phi (tại huyện Ia Pa, Đức Cơ, Ayun Pa). Số doanh nghiệp giải thể, tạm dừng hoạt động tăng; tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản thấp.

Việc tổ chức dạy và học trực tuyến ảnh hưởng đến chất lượng học tập của học sinh. Đời sống người dân, tạo việc làm cho người lao động rất khó khăn. Tai nạn giao thông trên địa bàn còn tiềm ẩn phức tạp, chưa được kiểm chế.

### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THPT, CLP:**

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, đến cán bộ, công chức, viên chức người lao động chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về THPT, CLP như: Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh THPT, CLP; Luật THPT, CLP ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THPT, CLP; Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPT, CLP năm 2021 và Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về Ban hành Chương trình THPT, CLP năm 2021 của tỉnh Gia Lai.

- Công tác tuyên truyền, quán triệt quy định về THPT, CLP được thực hiện bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền thông qua báo, đài, truyền hình, đăng tải trên trang thông điện tử,... Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã thực hiện phát sóng trong các chương trình thời sự phát thanh truyền hình về công tác phòng, chống tham nhũng, THPT, CLP. Duy trì thực hiện sản xuất và phát sóng chuyên mục “Phòng, chống tham nhũng - lãng phí”, phát định kỳ mỗi tháng 01 số trên sóng truyền hình, với thời lượng 15 phút/chuyên mục và các chuyên mục “Tiếp chuyện bạn nghe Đài” phát trên sóng phát thanh, chuyên mục “Hộp thư Truyền hình”, chuyên mục “Dân hỏi - Cơ quan nhà nước trả lời” phát trên sóng truyền hình.

- Trong năm 2021, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã tổ chức thực hiện và phát sóng hơn 200 tin, bài, phóng sự về công tác phòng, chống tham nhũng, THPT, CLP trên sóng phát thanh, truyền hình. Nội dung tuyên truyền đa dạng, hình thức thể hiện phong phú; kịp thời tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước như Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Luật THPT, CLP số 44/2013/QH13; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật THPT, CLP; các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện phòng, chống tham nhũng, THPT, CLP... Tuyên truyền công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh xử lý một số vụ việc liên quan đến tham nhũng, tiêu cực; kết quả thực hành tiết kiệm, nhất là tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên tại các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; các giải pháp tỉnh triển khai triệt để về thực hành tiết kiệm nhằm huy động các nguồn lực cho đầu tư toàn xã hội, khắc phục khó khăn do đại dịch Covid-19 đề khôi phục phát triển kinh tế-xã hội, phấn đấu hoàn thành đạt các chỉ tiêu trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

### **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình THPT, CLP**

- Thực hiện Luật THPT, CLP ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật thực

hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2021; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 31/03/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2021 của tỉnh Gia Lai; Theo đó Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 908/STC-TTr ngày 09/04/2021 về việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP năm 2021 đề đơn đốc các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện xây dựng Chương trình, kế hoạch thực hiện THTK, CLP hàng năm của đơn vị mình trên cơ sở Quyết định của UBND đã ban hành, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện. Đến thời điểm báo cáo, cơ bản các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2021 theo quy định.

- Mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp thực hiện THTK, CLP năm 2021 đã được UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 31/03/2021:

+ Về mục tiêu: Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành về THTK, CLP trong quản lý, sử dụng các nguồn của nhà nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; các đơn vị, địa phương xây dựng Chương trình hành động về THTK, CLP thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý; đưa THTK, CLP thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành và từng cơ quan, đơn vị, tổ chức.

+ Các chỉ tiêu THTK, CLP năm 2021 được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực, theo quy định của pháp luật về THTK, CLP, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể như: Quản lý sử dụng NSNN (*chi thường xuyên, chi đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tập trung*); quản lý sử dụng tài sản công; quản lý và khai thác sử dụng tài nguyên; quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước trong các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước do UBND tỉnh quản lý; công tác quản lý sử dụng lao động.

+ Các giải pháp cơ bản THTK, CLP năm 2021 tập trung thống nhất công tác chỉ đạo từ UBND tỉnh đến cơ sở; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện đối với tất cả các lĩnh vực; thường xuyên kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP.

- Trong năm 2021, dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề tới đời sống nhân dân, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. UBND tỉnh đã chủ động triển khai các giải pháp thực hiện THTK, CLP linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Qua đó, vừa đảm bảo hoàn thành mục tiêu kép về công tác phòng chống dịch vừa phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo chỉ đạo Chính phủ.

### **3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP**

- Về công tác thanh, kiểm tra: Sở Tài chính đã ban hành quyết định số 220/QĐ-STC ngày 16/12/2020 phê duyệt kế hoạch Thanh tra năm 2021. Trong năm 2021, Thanh tra Tài chính đã triển khai thanh tra tại Sở Công thương tỉnh Gia Lai, Trung Tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai (thuộc Kế hoạch thanh tra năm 2020 chuyển qua năm 2021), huyện Chư Păh đã thực hiện thanh tra và đang triển khai thanh tra tại Sở Giao thông Vận tải. Sở Tài chính đã ban hành kết luận thanh tra tại Sở Công thương tỉnh Gia Lai và Trung Tâm Khuyến công và Xúc tiến thương

mại tỉnh Gia Lai, số tiền vi phạm theo 02 kết luận là 20.395.000 đồng. Giám đốc Sở Tài chính đã ban hành Quyết định thu hồi tiền số 131/QĐ-STC, số 132/QĐ-STC ngày 19/5/2021.

- Về công tác kiểm toán NSNN: Qua kiểm toán NSNN năm 2020, theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước. Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch khắc phục các kiến nghị kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2020 tại Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 22/10/2021. Sở Tài chính đã trích gửi các nội dung kiến nghị có liên quan gửi cho các đơn vị được kiểm toán để thực hiện khắc phục.

## **II. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021,**

### **1. Kết quả THTK, CLP trong các lĩnh vực.**

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

- Ngoài việc tiếp tục thực hiện các chính sách, định mức, tiêu chuẩn của Trung ương và địa phương từ các năm trước còn hiệu lực để thực hiện trong năm 2021, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết liên quan đến định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Các văn bản ban hành đều phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng ngân sách của tỉnh, như: Nghị quyết số 131/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 về việc quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 129/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021; Nghị quyết số 135/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 Quy định mức chi, thời gian được hưởng chế độ chi công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 Quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Trên cơ sở các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của trung ương và địa phương, các đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy định việc sử dụng kinh phí thường xuyên cho các khoản mục làm cơ sở đánh giá kết quả THTK, CLP tại đơn vị và địa phương.

b) THTK, CLP trong lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách năm 2021:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành việc lập, thẩm định, phê duyệt, dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí NSNN đảm bảo theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Bộ Tài chính. Trong năm 2021, đã thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương ngay từ khâu lập dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cải cách tiền lương, số tiền 222,494 tỷ đồng (gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 105,956 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện là 116,538 tỷ đồng)<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai (BC số 39/BC-STC ngày 12/03/2021 Sở Tài chính về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN quý I năm 2021, nhiệm vụ và giải pháp điều hành NSNN quý II năm 2021; Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 và Quyết định số 2047/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính).

- Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ngừng hoạt động. Ngoài ra, dịch bệnh cũng ảnh hưởng giảm mạnh đến việc tiêu thụ, buôn bán hàng hóa khác như: Chuyển nhượng bất động sản; buôn bán ô tô, xe máy;... giảm nguồn thu lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng từ các lĩnh vực này, làm ảnh hưởng giảm đến nguồn thu NSNN năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

- Trong công tác thẩm định dự toán kinh phí bổ sung trong năm 2021 của các đơn vị trên địa bàn: Tổng số kinh phí các đơn vị lập dự toán là: 1.806,2 triệu đồng. Số kinh phí thẩm định là: 1.097,3 triệu đồng. Số kinh phí tiết kiệm là: 708,9 triệu đồng.

- Công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021 là 541 dự án. Tổng giá trị đề nghị quyết toán là 1.064.400 triệu đồng, tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 1.063.200 triệu đồng, tổng giá trị giảm trừ qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 1.200 triệu đồng (*Trong đó, Sở Tài chính thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đến ngày báo cáo là 30 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 434.900 triệu đồng, giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán là 434.700 triệu đồng, giá trị giảm trừ qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 200 triệu đồng*)<sup>2</sup>.

c) THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Gia Lai giao nhiệm vụ mua sắm tài sản theo phương thức tập trung cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện. Về tình hình tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực Tài sản năm 2021 về mua sắm tài sản tập trung: Đã thẩm định dự toán và trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu về mua sắm tập trung của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai. Kết quả trong năm 2021 đã tiết kiệm qua đấu thầu mua sắm tập trung là: 67 triệu đồng, cụ thể: Tổng dự toán phê duyệt là 22,442 tỷ đồng; tổng giá trị trúng thầu là 22,375 tỷ đồng.

d) THPTK, CLP trong lĩnh vực xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ:

- Thực hiện cắt giảm 100% việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng cơ bản, trừ các công trình quan trọng quốc gia; công trình có giá trị lớn, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án để phấn đấu tiết kiệm 10% đến 15% tổng mức đầu tư. Thực hiện tốt công tác nghiệm thu công trình vốn NSNN trước khi bàn giao đưa vào sử dụng khi có yêu cầu, nhằm tạo điều kiện cho chủ đầu tư đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời gian giải ngân, sử dụng vốn có hiệu quả.

- Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý các trụ sở, các cơ sở hoạt động sự nghiệp. Đẩy

<sup>2</sup> Tình hình kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của Sở Tài chính (trong đó ước thực hiện cả năm 2021).

nhanh tiến độ phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; kiên quyết thu hồi diện tích nhà, đất sử dụng cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết không đúng quy định và trụ sở cũ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được đầu tư xây dựng trụ sở mới.

Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và đảm bảo tiết kiệm đối với các công trình trụ sở liên cơ quan tỉnh; nhà công vụ; nhà chung cư. Thực hiện nâng cao hiệu suất sử dụng nhà công vụ, thu hồi 100% nhà công vụ sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng hết thời gian sử dụng nhà công vụ theo quy định.

đ) THPT, CLP trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường:

- Về quản lý, sử dụng đất

Thời gian qua, việc khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên là một nội dung được đặc biệt ưu tiên.

Cụ thể là công tác tổ chức, triển khai lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được siết chặt, thực hiện theo quy định của trung ương. Qua đó góp phần tích cực vào việc phát huy tiềm năng đất đai phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo các quỹ đất thu hút nhà đầu tư chiến lược, các ngành dịch vụ, thương mại ngày càng nhiều đến đầu tư tại tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cho 17/17 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã và thành phố kiểm tra, rà soát các nội dung công việc đã triển khai lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Rà soát, tổng hợp và báo cáo danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được HĐND tỉnh thông qua của các năm 2017, 2018 và bổ sung thực hiện trong năm 2021.

Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất: Thực hiện theo đúng Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và Nghị quyết HĐND tỉnh thông qua hàng năm theo quy định của Luật Đất đai 2013:

\* Giao đất: 09 hồ sơ với diện tích 9.789,19 ha.

\* Cho thuê đất: 19 hồ sơ với diện tích 149,79 ha.

\* Chuyển mục đích sử dụng đất: 28 hồ sơ với diện tích 157,19 ha.

\* Thu hồi đất: 02 hồ sơ với diện tích 5,05 ha (Giải quyết tranh chấp đất đai và giảm nhu cầu sử dụng).

\* Hợp đồng thuê đất: 46 hợp đồng.

Thực hiện kiểm tra, xử lý vướng mắc, lập thủ tục thu hồi đất trình UBND tỉnh xem xét, thu hồi 50.128,0 m<sup>2</sup> đất của Công ty TNHH MTV Cà phê giao UBND huyện Ia Grai quản lý để giải quyết Đơn kiến nghị của 12 hộ dân làng Breng 2, xã Ia Dêr, huyện Ia Grai.

- Về quản lý, sử dụng tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định trình UBND tỉnh cấp 02 giấy phép thăm dò nước dưới đất; 03 giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất; 03 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 04 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, 01 giấy phép thăm dò nước dưới đất, 02 giấy xả nước thải vào nguồn nước.

UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả tổng hợp Đề án Điều tra, đánh giá khoáng định vùng cấm và vùng hạn chế khai thác sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 (Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 20/4/2021); phê duyệt vùng bảo hộ khu vực lấy nước sinh hoạt Trạm cấp nước sạch thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang (Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 08/01/2021); phê duyệt tiên khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty cổ phần Diên Hồng Gia Lai.

Tổ chức, triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới và Chiến dịch giờ Trái đất năm 2021 tới các huyện, thị xã, thành phố.

- Về công tác quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường công tác quản lý về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố nâng cao hiệu quả công tác phối hợp để ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép (chủ yếu là cát, đá xây dựng, đất làm vật liệu san lấp,...). Đồng thời, hạn chế tối đa việc sử dụng tài nguyên khoáng sản kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí, làm suy kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và giảm giá trị, hiệu quả kinh tế thu được. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có nhiều văn bản về việc chấn chỉnh tình hình hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh, đôn đốc các chủ dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện gió,... lập thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án công trình (nếu có) để phục vụ cho việc thi công công trình; đôn đốc các đơn vị hết hạn giấy phép khai thác khoáng sản lập thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định,...

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu trình UBND tỉnh cấp 05 giấy phép khai thác khoáng sản; phê duyệt trữ lượng khoáng sản: 03 mỏ; phê duyệt tiên trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 03 mỏ; phê duyệt đề án đóng cửa 01 mỏ khoáng sản; đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình: 05 khu vực; tổ chức thẩm định 02 đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Về công tác quản lý môi trường

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 353/UBND-CNXD ngày 29/3/2021 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải.

e) THPT, CLP đối với việc thực hiện Đề án chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công để Bưu điện thực hiện:

Triển khai thực hiện Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Gia Lai để Bưu điện thực hiện. Các huyện, thị xã,

thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh đã triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả như:

- Đối với cơ quan hành chính nhà nước.  
+ UBND các huyện, thị xã, thành phố trong vùng Đề án, không phải đầu tư một khoản kinh phí lớn, ban đầu để xây dựng trụ sở làm việc, đầu tư cơ sở vật chất cho bộ phận một cửa (đối với những địa phương đã xây dựng Bộ phận một cửa thì sử dụng vào việc khác); mà chỉ phải trả một khoản chi phí hợp lý hằng năm cho Buu điện tỉnh.

+ Các sở, ban, ngành tỉnh có TTHC không phải cử cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa.

+ Góp phần tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ BCCI theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, góp phần xây dựng mô hình tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC theo hướng thân thiện, hiệu quả và phục vụ.

- Đối với cá nhân, tổ chức: Bộ phận một cửa đặt ở vị trí thuận lợi, dễ tìm; cơ sở vật chất, nơi làm việc khang trang; trang thiết bị đầy đủ, hiện đại, được trang bị hệ thống giám sát bằng camera từ nhiều góc độ; tâm lý của người dân khi đi thực hiện thủ tục hành chính sẽ thoải mái, qua đó sẽ nâng cao sự hài lòng khi đến thực hiện thủ tục hành chính. Tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân. Buu điện chủ động, phối hợp với các cơ quan, đơn vị giải quyết hồ sơ để nhận kết quả trả cho tổ chức, cá nhân theo thời hạn hẹn trả.

Kinh phí tiết kiệm được khi thực hiện Đề án **1.787,182** triệu đồng.

f) Kết quả thực hiện THTK, CLP năm 2021 của các đơn vị sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố (theo phụ lục 02, 03 kèm theo).

- Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước NSNN: **57.724 triệu đồng**, trong đó:

(1). Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: 44.907 triệu đồng;

(2). Tiết kiệm chi quản lý hành chính: 7.327 triệu đồng; gồm:

- Tiết kiệm văn phòng phẩm: 1.000 triệu đồng

- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc: 478 triệu đồng

- Tiết kiệm sử dụng điện: 553 triệu đồng

- Tiết kiệm xăng, dầu: 637 triệu đồng

- Tiết kiệm nước sạch: 647 triệu đồng

- Tiết kiệm công tác phí: 1.478 triệu đồng

- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo: 716 triệu đồng

- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội: 762 triệu đồng

- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc: 1.056 triệu đồng

(3) Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy): 659 triệu đồng, gồm:

- Số sửa chữa mới phương tiện: 609 triệu đồng

- Kinh phí tiết kiệm các nội dung khác: 50 triệu đồng

(4) Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức: 4.542 triệu đồng

(5) Tiết kiệm kinh phí y tế: 284 triệu đồng

(6) Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ: 5 triệu đồng

(\*) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng: **140.681 triệu đồng**, trong đó:

- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán: 78.884 triệu đồng

- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...: 2.330 triệu đồng

- Thực hiện đầu tư, thi công: 35.894 triệu đồng

- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 23.573 triệu đồng

- Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên: **433 triệu đồng**

Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được: 433 triệu đồng

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP: **8.423 triệu đồng**

- Tổng giá trị tiền, tài sản sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát: 8.389 triệu đồng

- Tổng giá trị tiền, tài sản vi phạm đã xử lý, thu hồi: 34 triệu đồng

(Phụ lục 02, 03 đính kèm).

Tổng kinh phí các mục chi đã tiết kiệm được trong năm 2021 của các đơn vị trên địa bàn tỉnh là: **532.542,08 triệu đồng**, bao gồm Tiết kiệm thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 8/6/2021 của Chính phủ (Phụ lục 01 đính kèm)

**2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí** (tổng hợp trên cơ sở báo cáo của các đơn vị).

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0 vụ;

- Số vụ việc đã được xử lý: 0 vụ;

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: 0 người.

### **3. Phân tích, đánh giá.**

a) Đánh giá kết quả đạt được.

Nhìn chung công tác THTK, CLP trong năm qua đã đạt được những chuyển biến tích cực, các quy định về THTK, CLP đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố, sở, ban, ngành và các đơn vị đã quan tâm triển khai thực hiện, nhận thức của cán bộ công chức viên chức về THTK, CLP được nâng lên.

Công tác triển khai quán triệt chủ trương THTK, CLP của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền thường xuyên; các đơn vị đã chủ động giảm chi các khoản chi không cần thiết; đã có ý thức tốt trong việc tiết kiệm chi tiêu, sinh hoạt tại cơ quan, đơn vị mình.

Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh giao; thực hiện đảm bảo các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật THTK, CLP.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã tích cực tuyên truyền, quán triệt đến tất cả các đảng viên, cán bộ công chức, viên chức và quần chúng nhân dân về chính sách pháp luật THPTK, CLP; thường xuyên tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức bộ máy, cán bộ, biên chế, chế độ, chính sách trong các cơ quan hành chính các cấp; kịp thời ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa để triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, thực hiện nghiêm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của người cán bộ, công chức.

Các đơn vị đã thực hiện các quy định về công khai tài chính, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THPTK, CLP tại đơn vị. Phát huy được vai trò của cán bộ, công chức viên chức, nhân dân trong việc phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí và phát huy vai trò giám sát, tự kiểm tra của các đơn vị địa phương.

Công tác quản lý tài chính - ngân sách hoàn thành dự toán giao, công tác quản lý thu ngân sách được các cấp, các ngành quan tâm, cải cách hành chính thuế được đẩy mạnh; các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo, kỷ luật, kỷ cương về tài chính - ngân sách được tăng cường, xử lý kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh, đặc biệt là đảm bảo kịp thời kinh phí phòng chống dịch bệnh Covid-19 đảm bảo theo quy định, góp phần tích cực vào việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng và an sinh xã hội.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Bên cạnh kết quả tiết kiệm, chống lãng phí đã thực hiện trong năm 2021, hầu hết các địa phương, đơn vị đã triển khai xây dựng chương trình THPTK, CLP năm 2021 của địa phương, đơn vị mình. Tuy nhiên, việc triển khai xây dựng chương trình THPTK, CLP năm 2021 của từng địa phương, đơn vị vẫn còn có những hạn chế nhất định như việc xây dựng chương trình THPTK, CLP ở một số cơ quan, đơn vị còn chung chung, chưa xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch tiết kiệm cụ thể của đơn vị, của lĩnh vực ngành mình quản lý, chưa bám sát các chỉ tiêu yêu cầu theo Chương trình THPTK, CLP của UBND tỉnh đã ban hành; một số đơn vị chưa ban hành, ban hành chậm Chương trình THPTK, CLP năm 2021;

- Một số đơn vị chưa quan tâm đúng mực đến việc lập báo cáo THPTK, CLP, chất lượng báo cáo chưa đạt yêu cầu (nội dung, số liệu báo cáo chưa đầy đủ) dẫn đến khó khăn cho việc tổng hợp, báo cáo đánh giá về tình hình và kết quả THPTK, CLP trên địa bàn tỉnh.

- Việc kiểm tra, tự phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế. Hầu hết các vụ việc được phát hiện do quá trình kiểm tra, thanh tra của cơ quan các cấp.

- Phong trào thi đua THPTK, CLP tại đơn vị chưa được khơi dậy mạnh mẽ, chưa thiết thực và những tấm gương điển hình về THPTK, CLP chưa được phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng kịp thời...

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP VỀ THPTK, CLP TRONG THỜI GIAN TỚI**

#### **1. Nhiệm vụ trọng tâm**

### 1.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Thông tư số 188/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/12/2014 hướng dẫn một số điều của nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 2276/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể THTK, CLP năm 2021; Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 31/03/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2021.

- Thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách bổ sung cho ngân sách cấp dưới phải xác định dành 10% tiết kiệm chi thường xuyên trong năm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để thực hiện tiền lương, đảm bảo không thấp hơn mức Bộ Tài chính giao theo Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

- Chỉ đạo tổ chức điều hành dự toán ngân cả năm tích cực, chủ động, chặt chẽ; đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách của Trung ương, của tỉnh; thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm địa phương 2021-2025; kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm giai đoạn 2021-2023; xây dựng định mức chi NSNN giai đoạn 2021-2025; đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn các chương trình trọng điểm; các chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững; Chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu về y tế, giáo dục – đào tạo, văn hóa...

1.2. Tăng cường quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, đảm bảo 100% việc phân bổ vốn đầu tư công tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công và thứ tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công. Thực hiện tiết kiệm từ khâu quy hoạch, chủ trương đầu tư, rà soát, cắt giảm 100% các dự án không nằm trong quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

### 1.3. Về quản lý, sử dụng tài sản phục vụ công tác

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công như: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phương án rà soát, sắp xếp xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo đúng định mức của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính (Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt phương án, rà soát, sắp xếp xe ô tô của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Gia Lai).

- Tổ chức xây dựng hoàn chỉnh phương án rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Gia Lai trong năm 2021, theo Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo qui định tại Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

1.4. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 188-NQ/TW ngày 25/10/2017; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có cơ cấu hợp lý, số lượng phù hợp. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, trục lợi, cản trở gây khó khăn cho doanh nghiệp, người dân theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính và số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh quản lý theo quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

1.5. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước của Doanh nghiệp

Các doanh nghiệp nhà nước, phải đăng ký và thực hiện tiết giảm chi phí quản lý (từ 10% trở lên), trong đó, tiết giảm tối đa chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi chiết khấu thanh toán, chi phí năng lượng; tiếp tục thực hiện quy trình thoái vốn các công ty nhà nước theo kế hoạch đã duyệt.

1.6. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

- Hoàn thành việc kê khai, đăng ký biến động đất đai đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc diện sáp nhập, giải thể theo Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) đảm bảo tiến độ, kế hoạch.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch các nguồn tài nguyên trên địa bàn. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

## 2. Giải pháp thực hiện

2.1. Quán triệt nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về chương trình THPTK, CLP của Thủ tướng Chính phủ; thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện tốt Chương trình kế hoạch, cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cả năm; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong cả năm và nhiệm kỳ công tác giai đoạn 2021-2025.

2.2. Tăng cường trách nhiệm công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong THPTK, CLP của cơ quan, đơn vị.

- Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tin, báo chí, Đài Phát thanh  
- Truyền hình tỉnh tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền các chính sách pháp

luật của Nhà nước về THPTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPTK, CLP trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Các cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp, đưa nội dung tuyên truyền các quy định về THPTK, CLP tại các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPTK, CLP. Qua đó nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức và hành động của từng cấp, từng ngành và mỗi cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu Cơ quan, đơn vị trong THPTK, CLP.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tích cực phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tuyên truyền, vận động về công tác THPTK, CLP đạt hiệu quả.

- Kịp thời biểu dương, khen những gương điển hình trong THPTK, CLP; bảo vệ người cung cấp thông tin về những hành vi lãng phí, chưa tiết kiệm. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong THPTK, CLP. Nêu cao tinh thần trách nhiệm và vai trò của cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác tuyên truyền về THPTK, CLP.

2.3 Tập trung chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện đối với tất cả các lĩnh vực THPTK, CLP, trong đó cần tập trung vào một số giải pháp sau:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền về Luật quản lý thuế, các Luật thuế mới và chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về lãnh đạo, chỉ đạo công tác thu ngân sách năm 2021; tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước; rà soát, đánh giá các yếu tố tác động đến nhiệm vụ thu NSNN do dịch bệnh COVID-19 theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Ban thường vụ Tỉnh ủy; thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu ngân sách trên địa bàn; chỉ đạo các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố trong công tác điều hành thu NSNN trên địa bàn tỉnh, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tổ chức, thành phần kinh tế trong sản xuất, kinh doanh.

- Quản lý điều hành chi ngân sách địa phương theo dự toán, siết chặt kỷ cương, kỷ luật ngân sách; chủ động sử dụng dự phòng, dự trữ tài chính và nguồn lực tại chỗ để chi phòng chống thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 và nhiệm vụ chi cấp thiết phát sinh theo chế độ; Triển khai nhiệm vụ, giải pháp tiêu thụ, xuất nhập khẩu sản phẩm hàng hóa ứng phó với tác động của dịch bệnh COVID-19; đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ, chính sách của Trung ương và của tỉnh.

- Tập trung xây dựng định mức chi NSNN theo quy định của Chính phủ, theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và phù hợp thực tiễn địa phương; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025, kế hoạch tài chính 3 năm 2021-2023; triển khai các nội dung của Luật Đầu tư công theo phân cấp của Chính phủ.

- Triển khai công tác quản lý tài sản nhà nước theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện rà soát trình cấp có thẩm quyền phương án điều chuyển, sắp xếp lại trụ sở làm việc của một số cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công tác đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán, chấn chỉnh kịp thời những hạn chế, sai sót trong công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; nhất là công tác quản lý tài sản Nhà nước sau đầu tư.

- Tăng cường công tác quản lý giá, thị trường, nhằm kiểm soát lạm phát, phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2021 của Chính phủ, đảm bảo tốc độ tăng CPI của tỉnh bền vững.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đề ra về cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển Chính phủ điện tử theo các Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019, số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 và số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ. Tiếp tục rà soát, bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp; nâng xếp hạng chỉ số nộp thuế và bảo hiểm xã hội. Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa phương thức quản lý; áp dụng hóa đơn điện tử; đẩy mạnh phối hợp thu qua hệ thống ngân hàng; tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4, nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp trong cải cách thủ tục hành chính.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập, quy hoạch lưới, định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN để thực hiện giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp, chuyển phương thức hỗ trợ trực tiếp sang cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo Nghị định 02/2019/NĐ-CP của Chính phủ; hoàn thiện các quy định quản lý và mức giá đối với các dịch vụ sự nghiệp công chuyển từ danh mục phí sang quản lý theo cơ chế giá theo quy định của Luật Phí, lệ phí 2015 và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, đánh giá kết quả hoạt động các loại quỹ tài chính của nhà nước theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Từng bước cơ cấu lại quỹ tài chính để đảm bảo không trùng nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN theo quy định của Luật NSNN; Nâng cao hiệu quả hoạt động, tính độc lập và bền vững của các quỹ tài chính, đồng thời huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính trong xã hội thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo theo chỉ tiêu Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30/11/2020 của Tỉnh ủy về Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021.

#### 2.6. Về công tác quản lý, sử dụng biên chế

- Tiếp tục thực hiện lộ trình tinh giảm biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính 2015 – 2021 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu sự nghiệp, khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ NSNN bằng việc trả lương từ nguồn thu sự

nghiệp. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ tuyển dụng số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc theo quy định.

- Tiếp tục giữ ổn định biên chế của các tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp; thực hiện khoán hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước. Năm 2021, mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức từ 80% đến 85%, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 90%.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tăng cường giám sát thực hiện quy chế, nội quy, kỷ luật lao động, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật lao động, đảm bảo kỷ cương kỷ luật trong thi hành công vụ.

2.7. Tăng cường thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả công tác giám sát THPT, CLP

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về công khai, minh bạch để tạo điều kiện cho việc thanh tra, kiểm tra, giám sát THPT, CLP.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN phải thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật, nhất là công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao theo quy định. Khuyến khích thực hiện hình thức công khai trên trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm ngân sách (*trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật*).

- Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể trong cơ quan để kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về THPT, CLP. Đẩy mạnh giám sát đầu tư cộng đồng thông qua việc nâng cao hiệu quả Ban Giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư.

- Thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí theo quy định.

2.8. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THPT, CLP

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong xây dựng pháp luật, thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, đầu tư XD CB, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên, khoáng sản,... nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí. Triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 8/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về NSNN.

- Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Đất đai, quy hoạch việc sử dụng đất và văn bản quy phạm pháp luật về sử dụng đất. Thực hiện nghiêm xử lý, thu hồi các diện tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử

dụng lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và lấn chiếm đất trái quy định để đưa việc sử dụng đất đúng quy định, hiệu quả.

- Thủ trưởng các đơn vị chủ động thực hiện công tác kiểm tra lại các đơn vị và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra của đơn vị cấp dưới trực thuộc. Đối với những vi phạm được phát hiện trong công tác kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải kịp thời khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cơ quan, đơn vị để xảy ra lãng phí.

2.9. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; kiên quyết đấu tranh có hiệu quả đối với hành vi gây thất thoát, lãng phí; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong THTK, CLP

- Tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện cải cách hành chính của các cấp, các ngành gắn với THTK, CLP trong các lĩnh vực; đẩy mạnh hiện đại hóa quản lý hành chính nhà nước gắn với đổi mới phương thức quản lý thông qua việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng thông tin điện tử hành chính của Chính phủ trên Internet; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là trong thực hiện các dịch vụ để vừa rút ngắn thời gian thực hiện, giảm nhân lực quản lý, giảm chi phí xã hội, vừa tạo điều kiện phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính, nhất là các TTHC liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước. Đổi mới phương thức, lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân. Tập trung xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính và công khai kết quả tiếp nhận, xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm xây dựng đăng ký với chủ sở hữu về mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất, kinh doanh, đề ra các giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, công khai đến người lao động, báo cáo chủ sở hữu, cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định của pháp luật về THTK, CLP; đề ra các biện pháp cụ thể để tăng cường công khai minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ; tăng cường các hình thức tiếp nhận thông tin phát hiện lãng phí và nghiêm túc xử lý các thông tin phát hiện lãng phí theo quy định.

- Tăng cường phối hợp giữa các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác THTK, CLP; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể để nâng cao hiệu quả THTK, CLP trong năm 2021.

2.10. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo về THTK, CLP theo quy định tại Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính.

Trên đây là những nội dung cơ bản về tình hình thực hiện Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII – Kỳ họp thứ Tư././1-15.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Phước Thành**

**TỔNG CÁC MỤC ĐÃ TIẾT KIỆM ĐƯỢC TRONG 10 THÁNG ĐẦU NĂM  
VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2021**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tiết kiệm thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 8/6/2021 của Chính phủ.	100.091	
-	Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương chi thường xuyên từ nguồn NSNN	98.869	
+	Ngân sách cấp tỉnh	55.072	
+	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố	43.797	
-	Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương từ nguồn thu phí được để lại, thu nghiệp vụ	1.222	
+	Ngân sách cấp tỉnh	565	
+	Ngân sách huyện, thị xã, thành phố	657	
2	Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương	222.494	
3	Công tác thẩm định dự toán kinh phí bổ sung	708,9	
4	Công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh	200	
5	Đổi với việc thực hiện Đề án chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công để Bru điện thực hiện	1.787,18	
6	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước NSNN	57.724	
-	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	44.907	
-	Tiết kiệm chi quản lý hành chính	7.327	
-	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	659	
-	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	4.542	
-	Tiết kiệm kinh phí y tế	284	
-	Sử dụng, quyết toán NSNN sai chế độ	5	
7	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	140.681	
-	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	78.884	
-	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	2.330	
-	Thực hiện đầu tư, thi công	35.894	
-	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	23.573	
8	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên (Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được)	433	
9	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP	8.423	
-	Tổng giá trị tiền, tài sản sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	8.389	
-	Tổng giá trị tiền, tài sản vi phạm đã xử lý, thu hồi	34	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>532.542,08</b>	

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương và

Lý ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương  
**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LẮNG PHÍ**

Kỳ báo cáo: Trong 10 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2021



1	2	3	4	5	6	So sánh với năm trước và kế hoạch		9
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	Ghi chú
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	55	63	61	111	97	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	2	2	2	100	100	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	3	9	1	33	11	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	2	-	-	-	-	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiểm nghiệm thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	83	-	-	-	-	
II	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước</b>							
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>		66.545	55.282	44.907	67	81	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.2	Số tiền tiết kiệm sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	65.468	55.082	44.907	69	82	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	100	-	-	-	-	
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng	977	200	-	-	-	
2	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>		34.974	31.035	12.811	37	41	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	15.232	16.014	7.327	48	46	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	2.499	2.165	1.000	40	46	Số tiền tiết
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	1.500	1.056	478	32	45	được xác
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	1.297	1.207	553	43	46	định trên cơ
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	1.526	1.472	637	42	43	sở dự toán
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	330	307	647	196	210	được duyệt;
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	2.887	3.387	1.478	51	44	mức khoán
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	1.267	1.882	716	56	38	chỉ được
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khách tiếp, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	1.387	1.416	762	55	54	duyệt
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	2.538	3.121	1.056	42	34	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng	3.238	1.238	659	20	53	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	1.038	1.118	609	59	54	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	2.200	120	50	2	42	Tiết kiệm so
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	với dự toán,
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	1.968	-	-	-	-	định mức,
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	116	-	-	-	-	tiêu chuẩn
	Các nội dung khác	triệu đồng	116	120	50	43	42	hoặc mức



2.3	Đại diện do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	15.880	13.018	4.542	29	35	Khoản chi được duyệt
2.4	Hết kiểm soát phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	162	350	-	-	-	
2.6	Hết kiểm soát phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.7	Tránh mất kinh phí vãng	triệu đồng	69	105	-	-	-	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN sai chế độ	đơn vị	393	310	284	72	92	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	65	75	126	194	168	
3.2	Số tiền vi phạm đã phát hiện	đơn vị	20	4	4	20	100	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	864	5	5	1	100	

III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức							
I	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	chiếc	298	298	275	92	92	
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	1	2	2	200	100	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	26	24	-	92	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	-	-	-	-	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	triệu đồng	0	-	-	-	-	
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại							
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	2811	2.782	2.733	97	98	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	-	-	-	-	
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	-	-	-	-	
3	Các nội dung khác							

IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công							
I	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	-	-	-	-	-	
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	17.855	17.690	140.681	788	795	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng	8.182	10.570	78.884	964	746	
	- <i>Thực hiện đầu tư, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	5.479	6.055	2.330	43	38	
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	1.729	930	35.894	2.076	3.860	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	2.465	135	23.573	956	17.461	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	-	-	-	-	-	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ	dự án	-	-	-	-	-	
	<i>Số lượng</i>							
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	1.817.212	1.654.551	1.304.875	72	79	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	45.214	5.477	-	-	-	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	592	-	-	-	-	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	-	-	-	-	-	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	-	-	-	-	-	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	6.581	5.743	3.811	58	66	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	-	-	-	-	-	
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	-	-	-	-	-	
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	-	-	-	-	-	
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	-	-	-	-	-	







Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vốn sở hữu Nhà nước

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

Kỳ báo cáo: Trong 10 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2021

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
							So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9	
<b>I Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>									
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	-	5,0	2,0	-	-	40,0	
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	-	10,0	4,0	-	-	40,0	
2.1	Tiết kiệm điện	Kwh/h	-	280,0	139,0	-	-	49,6	
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	-	310,0	185,0	-	-	59,7	
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	-	30,0	14,0	-	-	46,7	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
<b>II Quản lý đầu tư xây dựng</b>									
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	-	-	-	-	-	-	
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	-	-	-	-	-	-	
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		-	-	-	-	-	-	
3.1	Thâm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
3.2	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
3.3	Thực hiện đấu tư, thi công	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
3.4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát/vấn	dự án	-	-	-	-	-	-	
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật		-	-	-	-	-	-	
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	
5	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	-	
<b>III Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước</b>									
1	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	



	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-
<b>IV Mua sắm phương tiện</b>									
1	Mua sắm trang bị xe ô tô con	chiếc	-	3.0	3.0	-	-	-	-
1.1	Số lượng xe ô tô con	chiếc	-	3.0	3.0	-	-	100.0	-
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-
<b>V Nợ phải thu khó đòi</b>									
1	Số đầu kỳ	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-
<b>VI Vốn chủ sở hữu</b>									
1	Số đầu năm	triệu đồng	-	51.275,6	60.346,7	-	-	117,7	-
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	-	51.468,5	60.489,3	-	-	117,5	-